

Số: 13/2023/QĐST-HNGĐ

Hà Tĩnh, ngày 17 tháng 01 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**  
**SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC HÔN NHÂN GIA ĐÌNH**  
(V/v yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn)

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH**

***Thành phần giải quyết việc Hôn nhân gia đình:***

*Chủ tọa phiên họp:* Ông Hồ Đức Quang - Thẩm phán.

*Thư ký phiên họp:* Bà Lê Nữ Ngọc Diệp – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên họp:* Bà Dương Thị Thanh Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh, mở phiên họp công khai giải quyết việc Hôn nhân gia đình thụ lý số 253/2022/TLST-HNGĐ ngày 24/11/2022 về việc "*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn*", theo Quyết định mở phiên họp giải quyết số 04/2023/QĐ-ST ngày 06/01/2023, giữa các đương sự:

- Người yêu cầu: **Chị Trần Thị Thu T**, sinh ngày: 21/10/1982, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 2 (nay là thôn Tân Thủy), xã Q, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh, đề nghị giải quyết vắng mặt;

- Người yêu cầu: **Anh Nguyễn Xuân C**, sinh ngày: 02/7/1974, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn S, xã C, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh, hiện đang lao động tại Tây Ban Nha, đề nghị giải quyết vắng mặt;

**NỘI DUNG VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH:**

*Theo nội dung Đơn khởi kiện giải quyết việc ly hôn của chị Trần Thị Thu T và ý kiến của anh Nguyễn Xuân C cùng các tài liệu có tại hồ sơ, việc Hôn nhân gia đình có nội dung:*

Chị Trần Thị Thu T và anh Nguyễn Xuân C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh, theo số đăng ký 16/2020, ngày 13/02/2020. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống hoà thuận, hạnh phúc được một thời gian ngắn thì anh Chung tiếp tục đi lao động tại Tây Ban Nha cho đến nay. Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, lối sống, ly thân từ năm 2020. Nhận thấy, vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, tình trạng hôn nhân không thể dung hòa, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị Trần Thị Thu T khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh giải quyết ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng chưa có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, anh Nguyễn Xuân C đã gọi điện (ghi hình có âm thanh) làm việc với Tòa án, trình bày ý kiến liên quan đến nội dung chị Trần Thị Thu T khởi kiện như sau: Về thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn đúng như nội dung chị Trần Thị Thu T trình bày trong đơn khởi kiện. Do trong thời gian sống chung, vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, ly thân từ năm 2020. Hiện nay, do khoảng cách địa lý xa xôi, không tin tưởng và không muốn hàn gắn, duy trì quan hệ vợ chồng nên anh Nguyễn Xuân C yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Về con chung: Vợ chồng chưa có con chung. Về tài sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do công việc, điều kiện đi lại khó khăn, anh Nguyễn Xuân C không về Việt Nam giải quyết ly hôn, không cung cấp được địa chỉ cụ thể tại Tây Ban Nha, đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt, ủy quyền giao nhận tài liệu cho chị Trần Thị Thu T.

Tại văn bản số 60/CV/UBND-TP ngày 12/12/2022 của Ủy ban nhân dân xã Q, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh khẳng định: Chị Trần Thị Thu T và anh Nguyễn Xuân C thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Sơn Diệm, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh, theo số 16/2020, quyển 01/2020, ngày 13/02/2020. Quy trình đăng ký kết hôn được thực hiện đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền và trình tự, thủ tục. Vợ chồng chưa có con chung. Anh Chung, chị Trang chưa hòa giải hôn nhân gia đình tại chính quyền. Chị Trang đã đăng ký hộ khẩu tại thôn 2 (nay là thôn Tân Thủy), xã Q, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh, hiện nay không có mặt tại địa phương.

Tại phiên họp giải quyết việc Hôn nhân gia đình, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh sau khi nhận xét việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký và các đương sự đã phân tích nội dung vụ việc, các vấn đề đương sự đã thỏa thuận, thống nhất được với nhau và đề nghị Hội đồng giải quyết việc Hôn nhân gia đình: Căn cứ Điều 149, 370 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 51, 55, khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Nghị quyết số 02/2003/NQ-HĐTP ngày 16/4/2003 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Chấp nhận yêu cầu của các đương sự; công nhận thuận tình ly hôn của chị Trần Thị Thu T và anh Nguyễn Xuân C, về con chung: Vợ chồng chưa có con chung; các vấn đề khác đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc Hôn nhân gia đình đã được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của chị Trần Thị Thu T và anh Nguyễn Xuân C, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh; Thẩm phán giải quyết việc Hôn nhân gia đình nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tại Công văn số 22457/QLXNC-P5 ngày 26/10/2022 về việc cung cấp thông tin xuất nhập cảnh của Cục Quản lý Xuất nhập cảnh Bộ Công an thể hiện “Anh Nguyễn Xuân C đã xuất nhập cảnh 17 lần, lần gần đây nhất vào ngày 22/8/2020, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước”. Căn cứ quy định tại khoản 25 Điều 3, Điều 122, 127 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 29, 37, 39, 464 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nội dung yêu cầu của các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

[1.2] Chị Trần Thị Thu T và anh Nguyễn Xuân C đều đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Do đó, căn cứ quy định tại Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành mở phiên họp giải quyết việc Hôn nhân gia đình vắng mặt các đương sự theo thủ tục chung.

[1.3] Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, quá trình làm việc, anh Nguyễn Xuân C trình bày thống nhất với toàn bộ yêu cầu của chị Trần Thị Thu T, không tranh chấp. Do công việc, anh Chung không về Việt Nam để giải quyết việc hôn nhân gia đình nên đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt, đồng thời ủy quyền giao, nhận tài liệu cho chị Trần Thị Thu T. Theo hướng dẫn tại Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân tối cao về việc giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ, Tòa án thực hiện tổng đạt văn bản tố tụng cho anh Nguyễn Xuân C thông qua người được ủy quyền và chuyển quan hệ pháp luật từ vụ án “Ly hôn” thành “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”.

[1.4] Chị Trần Thị Thu T có văn bản đề nghị không tiến hành hòa giải. Căn cứ Điều 205, 207, 397 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án đã ban hành Thông báo số 40/2022/TB-TA ngày 28/11/2022 về việc vụ việc không hòa giải được.

[1.5] Tòa án đã tiến hành tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án Hôn nhân gia đình, Quyết định mở phiên họp giải quyết việc Hôn nhân gia đình cho các đương sự là thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[1.6] Tòa án yêu cầu đương sự giao nộp tài liệu, chứng cứ và tiến hành xác minh tài liệu chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ là tuân thủ quy định tại Điều 93, 94, 95, 96, 97, 208 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

[2.1.1] Hôn nhân giữa chị Trần Thị Thu T và anh Nguyễn Xuân C được xây dựng trên cơ sở tự do tìm hiểu và tự nguyện, không trái đạo đức, thuần phong mỹ tục, đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền và tổ chức

lễ cưới công khai. Căn cứ quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì đây là hôn nhân hợp pháp.

[2.1.2] Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Mâu thuẫn phát sinh khi anh Chung đi lao động tại Tây Ban Nha. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, lối sống, không tin tưởng. Vợ chồng ly thân từ năm 2020. Nhận thấy thời gian xa cách lâu ngày, tình cảm vợ chồng không được vun đắp, xây dựng nên mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị Trần Thị Thu T và anh Nguyễn Xuân C yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2.1.3] Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 quy định “*Vợ, chồng hoặc cả hai có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn*” (khoản 1 Điều 51); “*Trong trường hợp vợ chồng cùng yêu cầu ly hôn, nếu xét thấy hai bên thật sự tự nguyện ly hôn và đã thỏa thuận về việc chia tài sản, việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con trên cơ sở đảm bảo quyền lợi chính đáng của vợ và con thì Tòa án công nhận thuận tình ly hôn....*” (Điều 55).

[2.1.4] Xét thấy, hiện nay, tình cảm vợ chồng giữa chị Trần Thị Thu T và anh Nguyễn Xuân C không còn. Vợ chồng không yêu thương, quan tâm đến nhau, mâu thuẫn trầm trọng, không có khả năng đoàn tụ. Do đó, chấp nhận yêu cầu của chị Trang, anh Chung như quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp là phù hợp. Căn cứ quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân gia đình, công nhận thuận tình ly hôn của chị Nguyễn Thị Thu Trang và anh Nguyễn Xuân C là đúng quy định của pháp luật.

[2.2] Về quan hệ con chung: Vợ chồng chưa có con chung.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[3] Xét thấy, các đương sự đã tự nguyện thỏa thuận toàn bộ nội dung việc Hôn nhân gia đình; sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, đúng pháp luật, không vi phạm điều cấm. Mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, không có khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, công nhận thuận tình ly hôn của các đương sự.

Trong trường hợp phát sinh tranh chấp thì đương sự có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

[4] Về lệ phí: Các đương sự phải chịu lệ phí việc Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 146, 147, 361, 362, 367, 369, 370 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 55, 57 khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn của chị Trần Thị Thu T, sinh ngày: 21/10/1982, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 2 (nay là thôn Tân Thủy), xã Q, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh và anh Nguyễn Xuân C, sinh ngày: 02/7/1974, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn S, xã C, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh, hiện đang lao động tại Tây Ban Nha.

2. Về con chung: Anh Nguyễn Xuân C và chị Trần Thị Thu T chưa có con chung.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

4. Về lệ phí: Áp dụng Điều 149 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27, 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Chấp nhận sự tự nguyện nộp tiền lệ phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng của chị Trần Thị Thu T theo biên lai số 0000402 ngày 23 tháng 11 năm 2022 tại Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Hà Tĩnh.

5. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân và gia đình không có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp không có quyền kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm đối với Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay.

***Nơi nhận:***

- TAND cấp cao;
- VKS, THA tỉnh Hà Tĩnh;
- Các đương sự;
- Nơi ĐKKH;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG GIẢI QUYẾT VIỆC HNGĐ  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

**Hồ Đức Quang**